

Số: 01/2020/QĐST - HNGĐ

Thiệu Hóa, ngày 09 tháng 3 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 03/2020/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Người yêu cầu:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Xóm 1, xã Thiệu Đô (Mới: Thị trấn Thiệu Hóa), huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người yêu cầu:* Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Xóm 1, xã Thiệu Đô (Mới: Thị trấn Thiệu Hóa), huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Điều 212; Điều 213 khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 149 BLTTDS; Điều 6; Điều 36; Khoản 3 Điều 37 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Ngọc T.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Ngọc T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh L, chị T thỏa thuận chị T nuôi con chung là cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 12/11/2013, anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3 năm 2020 đến khi cháu Phong đủ 18 tuổi.

Anh L có quyền đi lại thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ khi chị T có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng, nếu chưa thi hành án, hàng tháng anh L phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền và thời gian chưa thi hành án, mức lãi suất chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản: Anh L, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Anh L, chị T thỏa thuận anh L chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm anh L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa theo biên lai thu số AA/2017/0005671 ngày 24/02/2020. Anh L đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã Ký)

Hoàng Văn Đạt